

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm chứng khoán, bán lẻ với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

TNG, PVD

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+-5)

24/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,261.93	-1.49
VN30	1,283.46	-1.63
HĐTL VN30F1M	1,277.70	-1.72
HNXIndex	241.72	-2.10
HNX30	534.13	-3.26
UPCoM	94.40	-0.81
USD/VND	25,471	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.92	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.94	+2
Dầu (WTI, \$)	76.55	-0.42
Vàng (LME, \$)	2,342.06	+0.55



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,261.93 (-1.49%)
KLGD (triệu CP) 1,179.9 (+50.5%)
GTGD (triệu US\$) 1,395.0 (+52.4%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm chứng khoán, bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 1524.08 tỷ đồng, tập trung tại FPT (-4.07%), MWG (-2.42%), MBB (-1.54%).

HNXIndex 241.72 (-2.10%)
KLGD (triệu CP) 146.6 (+40.1%)
GTGD (triệu US\$) 119.7 (+43.3%)

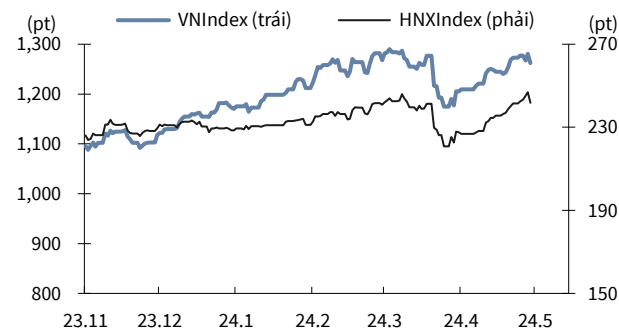
Giá thép giao tháng 9/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 28 nhân dân tệ xuống mức 3,586 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h30 ngày 24/5 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-2.03%), HSG (-3.58%).

UPCoM 94.40 (-0.81%)
KLGD (triệu CP) 135.2 (+41.9%)
GTGD (triệu US\$) 63.1 (+6.4%)

Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giảm 0.7% xuống 81.36 USD, mức thấp nhất kể từ tháng 1, trong khi giá dầu WTI giảm 0.9% xuống 76.87 USD/thùng, mức thấp nhất trong 3 tháng. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PVB (-3.86%), PVS (-4.15%).

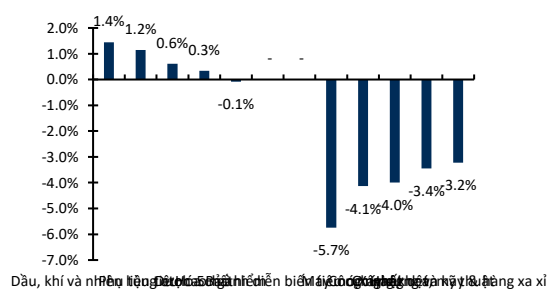
ĐTNN mua ròng (triệu US\$) -60.2

VNIndex & HNXIndex



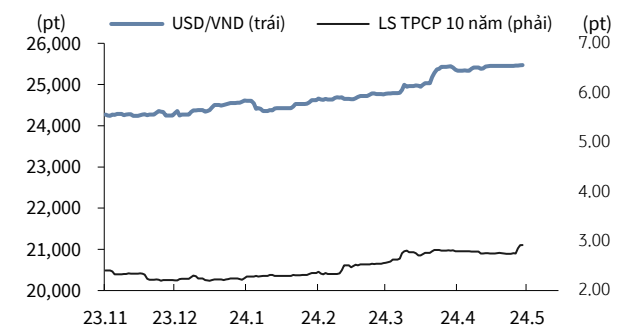
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



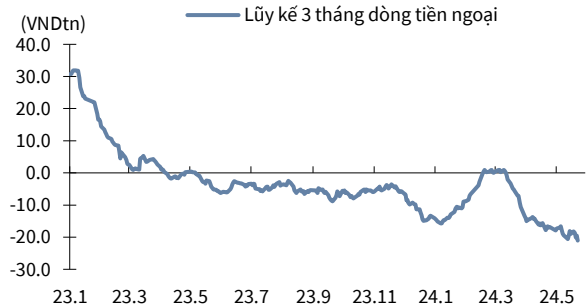
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

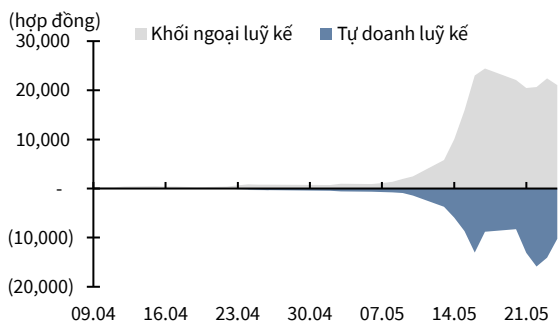
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,283.46 (-1.63%)
VN30F1M	1,277.7 (-1.72%)
Mở cửa	1,293.4
Cao nhất	1,304.0
Thấp nhất	1,271.2
KLGD (HĐ)	333,588 (+38.0%)

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2406 và VN30 mở cửa tại -10.86 điểm, sau đó biến động quanh mức -5.76 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -5.76 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

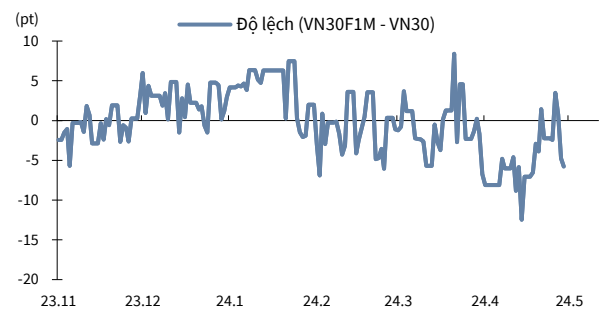
Khối ngoại bán ròng 1,362 HĐTL VN30F2406 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,022 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,883 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,223 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



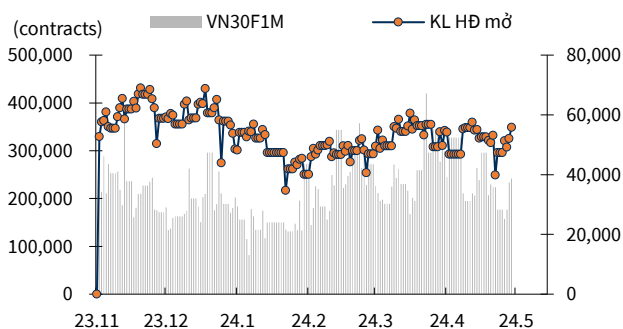
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



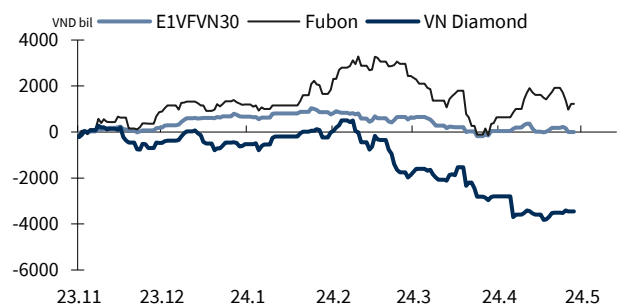
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

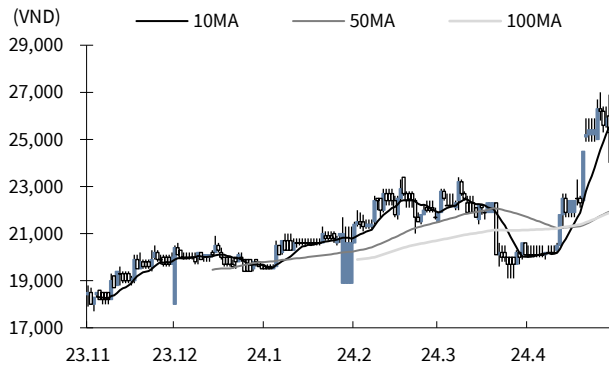
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

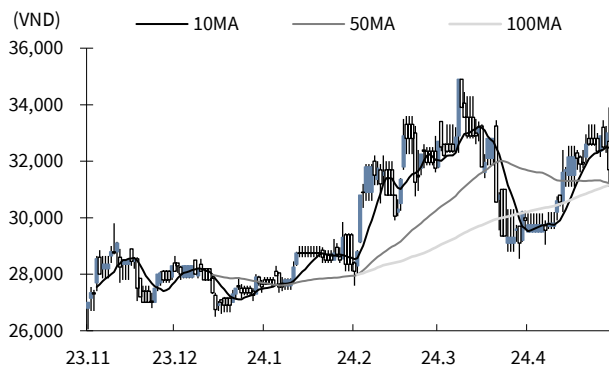
CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG giảm 2.32% về 25,300 VND/cp
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) vừa cho biết, đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần TNG Land từ 51,7% xuống còn 48,81%, tương ứng phần vốn góp 140 tỷ đồng. Qua đó, TNG Land sẽ không còn là công ty con của Dệt may TNG. TNG Land được thành lập từ tháng 6/2022 với các hoạt động kinh doanh cốt lõi là xây dựng và phát triển bất động sản. Ông Nguyễn Văn Thời - Chủ tịch HĐQT Dệt may TNG cũng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT TNG Land. Tính đến ngày 16/5, vốn điều lệ của TNG Land đạt 287 tỷ đồng. Đầu tháng 4 vừa qua, TNG Land đã chính thức khởi công Dự án Khu dân cư Đại Thăng (Khu đô thị Peace Village) tại Phố Yên.

Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVD giảm 3.94% về 31,700 VND/cp
- Tại cuộc họp với Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD) vừa qua, ban lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đã có chỉ đạo, đề nghị PV Drilling khí khẩn trương triển khai kế hoạch đầu tư giàn khoan nhằm mở rộng đội giàn khoan trong bối cảnh toàn bộ 05 giàn khoan tự nâng của PV Drilling đã có việc làm xuyên suốt với các hợp đồng dài hạn. Toàn bộ 05 giàn khoan tự nâng hiện nay của PV Drilling đã có việc làm xuyên suốt với các hợp đồng dài hạn. Về kế hoạch mở rộng đội giàn khoan, ban lãnh đạo PV Drilling cho biết, công ty đã chuyển từ việc đầu tư giàn khoan mới có giá hơn 130 triệu USD sang mua lại giàn khoan cũ hơn (15 năm tuổi) với giá khoảng 90 triệu USD. Bên cạnh đó, công ty cũng dự kiến chi 19.8 triệu USD để mua máy móc thiết bị.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên giảm điểm với diễn biến lao dốc mạnh trong phiên, sau đó hồi phục 1 phần về cuối phiên
- Trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn sau khi tiếp tục kiểm định thất bại vùng 128x, và phiên lao dốc mạnh ngày hôm nay đang cho thấy áp lực phân phối dần trở nên rõ nét hơn. Mặc dù rủi ro VNIndex vẫn sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên tới, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn tạm thời vẫn đang được bảo lưu và chỉ số có thể có cơ hội hồi phục trở lại tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 124x, hoặc xa hơn tại 1220 (+5).
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+5).

Chỉ số VN30

Chỉ số VN30 · 1D ○ 1304.74 H 1309.89 L 1273.69 C 1283.46 -21.30 (-1.63%)

Volume - Khối lượng SMA 9 397.14M

BB 20 2 1278.58

MA 50 close 0 SMA 9 1266.66



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Hợp đồng tương lai VN30F1M · 1D ○ ...

Volume - Khối lượng SMA 9 332.204K

BB 20 2 1274.1

MA 50 close 0 SMA 9 1264.3



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1304 - 1307

Kháng cự gần: 1286 - 1288

Hỗ trợ gần: 1267 - 1269

Hỗ trợ xa: 1253 - 1258

- F1 trải qua một phiên giảm điểm với diễn biến lao dốc mạnh trong phiên, sau đó hồi phục 1 phần về cuối phiên
 - Trạng thái thị trường trở nên tiêu cực hơn sau khi kiểm định thất bại vùng 130x, và phiên lao dốc mạnh ngày hôm nay đang cho thấy áp lực phân phối dần trở nên rõ nét hơn. Mặc dù rủi ro F1 vẫn sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên tới, xu hướng tăng điểm trong ngắn hạn tạm thời vẫn đang được bảo lưu và chỉ số có thể có cơ hội hồi phục trở lại tại quanh ngưỡng hỗ trợ gần 126x, hoặc xa hơn tại 1230 (+-5).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở Long trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ xa.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

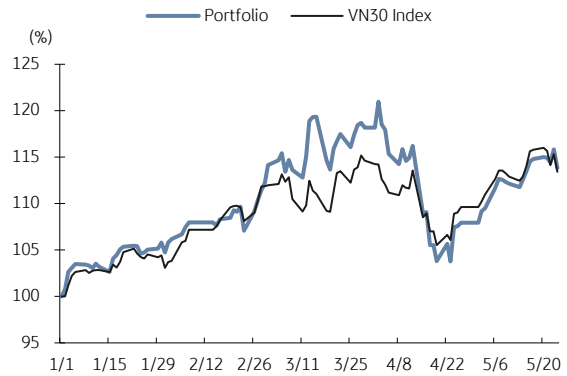
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.63%	-1.71%
Tăng lũy kế (YTD)	13.43%	13.85%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	131,900	-4.1%	6.5%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	28,400	-3.4%	-0.2%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	90,200	-0.9%	-8.1%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	34,250	2.5%	3.3%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	46,400	-0.2%	-0.9%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	161,000	-0.8%	0.0%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	66,000	-1.5%	-2.4%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	30,850	-2.4%	-11.5%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	16,700	-4.0%	-15.2%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	60,500	-2.4%	8.0%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-1.3%	96.5%	92.0
DBC	-2.4%	10.8%	33.8
TCB	-0.2%	22.3%	33.3
CSV	5.2%	3.6%	26.8
PC1	-3.4%	7.0%	19.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	-4.1%	49.0%	-355.1
MWG	-2.4%	48.8%	-131.4
MBB	-1.5%	23.2%	-112.0
VHM	-1.9%	17.7%	-101.7
SSI	-4.0%	44.0%	-99.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-0.8%	22.9%	47.4
MBS	-3.6%	1.6%	4.5
VCS	-3.8%	2.1%	1.0
TVC	6.3%	0.3%	0.8
PLC	-1.9%	0.4%	0.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-4.2%	20.7%	-25.8
TIG	-5.4%	10.2%	-1.6
BVS	-4.7%	5.7%	-1.2
NVB	-7.6%	3.6%	-1.0
API	9.3%	1.0%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	9.2%	BVH, MIG, BIC, BMI
Phụ tùng oto	7.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	6.7%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tiện ích khí	4.3%	GAS, PGD, PMG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	3.4%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng không dân dụng	-5.1%	VJC, HVN
Máy móc	-2.9%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	-2.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	-2.3%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	30.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	25.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tập đoàn công nghiệp	19.2%	REE, BCG, PET, EVG
Hóa chất	18.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Công nghệ	18.1%	FPT, CMG, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	0.6%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	0.8%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	1.1%	VCB, BID, VPB, TCB
Dược	3.7%	DHG, IMP, TRA, DBD
Cơ sở hạ tầng & vận tải	3.9%	GMD, LGC, CII, HAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
						P/E (X)		20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	102,171 (4.0)	22.5	36.5	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.7	-1.3	-4.1	8.1	0.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	297,486 (11.7)	26.6	5.2	4.6	35.9	17.2	17.0	0.9	0.8	-1.8	-2.6	-2.0	-7.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	173,721 (6.8)	17.8	12.0	10.6	-7.6	10.8	10.9	1.2	1.1	-3.0	-3.5	-1.1	-4.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	310,922 (12.2)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	0.3	1.0	-4.9	-15.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	112,595 (4.4)	11.6	32.3	26.9	13.7	6.2	7.9	1.7	1.6	-3.7	-3.5	3.0	13.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	152,582 (6.0)	13.9	40.9	25.7	-	2.5	3.5	1.1	1.1	-4.0	-4.0	0.9	-13.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	116,466 (4.6)	6.3	14.4	12.2	11.7	19.5	19.3	2.5	2.1	-0.9	-1.7	-0.4	12.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	71,040 (2.8)	12.7	13.0	10.7	-5.3	18.8	18.8	2.0	1.7	-0.6	-0.3	-1.6	13.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	465,638 (18.3)	0.0	7.4	6.1	14.3	16.4	17.7	1.1	0.9	-0.2	-6.7	-1.3	45.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	260,169 (10.2)	1.4	8.5	6.6	50.3	17.2	18.6	1.2	1.0	-2.3	-1.8	-1.4	19.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	264,861 (10.4)	0.0	10.1	7.7	18.8	10.0	11.9	1.0	0.9	-2.7	-7.2	-3.2	-6.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	386,991 (15.2)	0.0	5.5	4.6	14.6	22.4	23.1	1.1	0.9	-1.5	-3.4	-0.4	20.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	183,120 (7.2)	4.2	5.5	4.9	23.3	22.9	21.9	1.3	1.0	-2.0	-0.4	8.0	19.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	297,741 (11.7)	14.0	5.7	4.1	26.5	19.2	22.1	1.0	0.8	0.5	0.7	0.3	2.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	136,122 (5.4)	0.0	6.5	5.4	37.4	17.0	17.6	1.0	0.9	-3.0	-3.5	-1.4	2.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	137,642 (5.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-3.2	0.8	1.4	-2.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	22,512 (0.9)	21.0	18.9	16.3	15.8	8.1	8.9	1.5	1.4	0.0	9.2	12.6	12.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,768 (0.3)	14.2	10.6	9.6	9.1	12.5	12.6	1.1	1.0	-0.6	10.2	12.3	21.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	539,291 (21.2)	55.4	19.3	16.1	-3.2	12.2	12.5	1.9	1.8	-4.0	-3.2	-1.1	7.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	274,510 (10.8)	71.9	-	-	-4.0	15.9	-	-	-	-4.1	-2.5	0.9	12.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	224,449 (8.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-5.1	-1.4	5.2	22.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	281,621 (11.1)	27.2	-	-	36.3	12.1	-	-	-	-2.7	-8.4	-4.1	-9.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	218,702 (8.6)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	-1.5	-1.5	3.1	-2.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	59,869 (2.4)	36.9	17.5	16.3	7.3	17.7	18.7	3.1	3.0	-2.5	-0.2	8.2	-7.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	409,382 (16.1)	16.5	60.6	29.2	-51.9	7.2	10.9	3.7	3.9	-3.0	-2.6	9.9	9.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,978 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-4.0	9.2	-8.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	120,923 (4.8)	11.0	34.2	19.9	-88.5	12.5	17.6	-	-	-3.1	-8.0	4.3	0.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	177,120 (7.0)	10.8	22.0	21.0	-57.0	14.2	14.1	2.7	2.5	-2.3	-1.5	2.7	18.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	84,770 (3.3)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-3.4	-3.4	3.4	-2.0
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	66,421 (2.6)	48.0	29.2	24.1	26.2	28.5	30.6	6.9	5.8	-3.9	-5.9	1.5	37.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	293,738 (11.5)	37.7	36.8	18.1	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	-3.0	0.4	13.3	-2.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	88,859 (3.5)	3.6	23.3	15.7	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-2.1	1.1	9.3	3.9
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	100,929 (4.0)	0.0	11.8	10.1	-4.5	12.0	12.5	1.4	1.3	-1.1	2.8	16.0	23.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	89,648 (3.5)	46.1	16.2	15.1	-17.5	16.9	16.8	2.6	2.5	-1.1	4.4	5.9	4.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	15,304 (0.6)	31.4	-	25.3	-10.5	3.1	6.6	1.7	1.7	-2.6	1.1	4.9	-7.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	13,060 (0.5)	34.1	7.3	5.9	-5.1	15.6	18.6	-	-	-4.7	-4.7	12.2	2.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	773,965 (30.4)	18.0	14.1	10.3	21.9	11.8	15.1	1.6	1.4	-2.0	0.6	10.4	13.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	92,309 (3.6)	36.5	18.5	16.4	-0.5	5.3	8.3	1.2	1.2	-3.9	1.3	11.3	6.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	166,579 (6.5)	46.5	14.1	12.8	-4.5	14.3	15.3	1.9	1.9	-3.3	1.3	21.9	16.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	179,937 (7.1)	38.9	16.1	11.8	67.9	8.7	12.9	1.2	1.1	-3.6	-1.4	9.7	-5.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	47,065 (1.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.9	-4.3	12.4	16.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	76,522 (3.0)	4.6	16.1	14.9	-51.0	11.4	11.5	1.9	1.8	1.7	8.0	16.3	18.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	169,075 (6.6)	39.9	18.3	11.9	-11.9	6.1	8.1	1.1	1.1	-3.9	-2.8	5.0	12.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	159,463 (6.3)	35.9	9.2	8.0	2.2	14.0	13.8	1.2	1.1	0.3	-1.2	17.2	22.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	712,582 (28.0)	0.0	29.6	17.2	14.4	12.3	15.4	3.5	3.1	-2.4	1.5	15.7	41.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	156,666 (6.2)	0.0	15.1	13.2	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	-3.3	-4.2	0.6	10.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	11,413 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.3	-2.6	0.8	-24.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	144,046 (5.7)	30.3	100.5	38.2	-75.2	19.2	24.6	11.6	9.2	-0.8	-2.8	6.6	50.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,363 (1.0)	34.6	-	14.5	41.2	-	18.0	2.3	2.2	0.2	-0.3	7.5	21.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,954 (0.1)	45.4	-	-	10.7	-	-	-	-	1.1	1.6	3.9	12.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	0	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	524,733 (20.6)	0.0	22.1	17.8	15.5	28.8	29.0	4.9	4.1	-4.1	-1.9	9.8	37.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.